

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-PT

Ngày: 29/10/2021

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: ông Tạ Văn Vinh và ông Đinh Huy Lưỡng

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Diệp - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: ông Phạm Hữu Hải
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2021 về Tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Phạm Văn L sinh năm 1969; địa chỉ: xóm M, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn:* ông Phạm Văn Đ sinh năm 1967; địa chỉ: xóm M, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị Th sinh năm 1964; địa chỉ: xóm M, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Phạm Thị L1 sinh năm 1977; địa chỉ: số nhà 228, khu phố 4, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà L1: ông Phạm Văn L sinh năm 1969; địa chỉ: xóm M, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/M/2020).

4. *Người kháng cáo:* ông Phạm Văn Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/10/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là ông Phạm Văn L trình bày:

Cụ Phạm Văn X và cụ Phan Thị Gi sinh được 05 người con là bà Phạm Thị Th, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị L1, bà Phạm Thị H (chết năm 1995, chưa có chồng con). Khi còn sống, cụ X và cụ Gi tạo lập được thửa đất số 177, tờ bản đồ số 6 bản đồ địa chính xã Y lập năm 2010, diện tích 680,3m² (285,0m² đất ở, 148,8m² đất trồng cây lâu năm khác, 246,5m² đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt). Thửa đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BQ 822742 ngày 30/9/2014 mang tên cụ X và cụ Gi. Tài sản gắn liền với đất có nhà cấp 4 đã cũ nát, bể nước, nhà bếp, sân gạch và cây cối. Cụ X chết năm 2015, cụ Gi chết năm 2014, không ai để lại di chúc. Sau khi hai cụ chết nhà đất bỏ không, anh em ông L đã họp chia di sản của bố mẹ để lại nhưng không chia, giao đất trên thực địa, không có kích thước chiều cạnh và không chia cụ thể các loại đất. Khi địa chính xuống chia và giao đất trên thực địa thì anh em xảy ra mâu thuẫn về cách phân chia. Nếu chia dọc theo khung thổ để phần nào cũng có đất ở, đất ao, đất vườn thì không có lối vào phần đất bên trong; nếu chia quay theo dòng đường xóm để có lối vào thì vị trí đất ở, đất ao, đất vườn nằm ngang khung thổ không thể chia đôi theo văn bản thỏa thuận, không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ.

Do vậy, ông L khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ X và cụ Gi là quyền sử dụng thửa đất số 177, tờ bản đồ số 6 bản đồ địa chính xã Y lập năm 2010, địa chỉ xóm 2 xã Yên Mật, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình nay là xóm M, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (xã Y bị chia tách năm 2020); chia đều cho 04 người gồm ông L, ông Đ, bà L1, bà Th theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L bổ sung yêu cầu chia tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 đã cũ nát, bể nước, nhà bếp, sân gạch và cây cối. Để thuận tiện cho việc sử dụng, cũng như cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L nhận sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất, sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất và có trách nhiệm thanh toán chênh lệch về tài sản cho các đồng thừa kế khác bằng tiền, tương đương với kỷ phần mà họ được hưởng.

Ngoài ra, cụ X và cụ Gi còn được chia đất nông nghiệp 2.325m² gồm đất hai lúa và đất mạ (đất 313). Ông Đ, ông L đang trực tiếp canh tác sử dụng đất nông nghiệp của hai cụ và có nghĩa vụ nộp Thuế cho Nhà nước. Bà Th, bà L1 không có nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp, không yêu cầu chia thừa kế nên ông L không yêu cầu Tòa án phân chia quyền sử dụng đất nông nghiệp nêu trên.

Trong bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn là ông Phạm Văn Đ trình bày:

Bố, mẹ ông Đ là cụ Phạm Văn X và cụ Phan Thị Gi sinh được 05 người con là bà L1, ông Đ, ông L, bà Th, bà H (chết năm 1995, chưa có chồng con). Cụ X chết năm 2015, cụ Gi chết năm 2014 không ai để lại di chúc định đoạt tài sản. Tài sản của hai cụ để lại là quyền sử dụng 680,3m² đất, trong đó 285m² đất ở, 148,8m² đất vườn và 246,5m² đất ao tại xóm M, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Sơn cấp GCNQSDĐ số BQ 822742 ngày 30/09/2014 mang tên cụ X và cụ Gi. Tài sản trên đất có 05

gian nhà cấp 4 đã cũ năm 2018 bão đánh sập một phần và các tài sản khác như ông L đã trình bày.

Năm 2019 anh em đã họp gia đình, thống nhất việc phân chia tài sản của bố mẹ để lại là 680,3m² đất tại thửa 177, tờ bản đồ số 6 xã Ylập năm 2010; có làm biên bản họp, các thành viên ký kết đầy đủ. Biên bản họp gia đình ngày 25/5/2019 có nội dung chia cho ông L được quyền sử dụng 360m² đất, còn lại 320,3m² đất là tài sản chung của 04 anh, chị, em sử dụng vào mục đích thờ cúng tổ tiên lấy chỗ cho con cháu đi về. Sau khi họp gia đình do không thống nhất được vị trí và cách phân chia đất nên không làm được bìa đỏ. Ông Đ không nhất trí chia di sản thừa kế theo yêu cầu của ông L mà đề nghị chia theo biên bản họp gia đình ngày 25/5/2019.

Đối với diện tích 2.325m² đất hai lúa, đất mạ của cụ X, cụ Gi hiện ông Đ, ông L đang canh tác và có nghĩa vụ nộp Thuế cho Nhà nước. Bà Th, bà L1 không có nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp, các bên không tranh chấp gì; vì vậy ông Đ không đề nghị chia thừa kế đất nông nghiệp nêu trên.

Trong bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Th trình bày:

Về quan hệ nhân thân, huyết thống của cụ X và cụ Gi, bà Th trình bày phù hợp với lời trình bày của ông L và ông Đ. Về tài sản, cụ X và cụ Gi tạo lập được thửa đất có diện tích 680,3m² tại xóm M, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Sơn cấp GCNQSDĐ mang tên cụ X và Gi. Tài sản trên đất có 05 gian nhà cấp 4 đã cũ, năm 2018 bão đánh sập không còn giá trị. Cụ X và cụ Gi chết không để lại di chúc. Ngày 25/5/2019 bà Th, ông Đ, ông L họp phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại. Bà L1 không có mặt nhưng sau đó ông L gửi văn bản vào cho bà L1 ký. Lúc đó không có mâu thuẫn, tranh chấp gì nên 04 anh chị em thống nhất chia cho ông L được quyền sử dụng 360m² đất, diện tích đất còn lại là của 04 anh em sử dụng chung. Quá trình anh em họp không phân chia cụ thể ranh giới đất cũng như diện tích các loại đất; không ghi rõ kích thước chiều cạnh và không giao đất trên thực địa. Do vậy, khi làm thủ tục để cấp GCNQSDĐ thì anh em không thống nhất được vị trí cũng như các loại đất theo biên bản họp nên xảy ra tranh chấp, không thể phân chia di sản của bố mẹ để lại. (nếu chia dọc theo khung thổ để phần nào cũng có đất ở, đất ao, đất vườn thì không có lối vào thửa đất bên trong; nếu chia quay theo dòng đường xóm để có lối vào thì vị trí đất ở, đất ao, đất vườn nằm ngang khung thổ không thể chia đôi theo văn bản thỏa Thuận)

Nay ông L khởi kiện chia thừa kế tài sản của cụ X và cụ Gi là quyền sử dụng 680,3m² đất cho 04 người con của hai cụ. Bà Th xin nhận kỷ phần của mình nhưng cho ông L được hưởng và không yêu cầu ông L phải thanh toán giá trị kỷ phần mà bà được chia.

Bà Th không có nhu cầu sử dụng nên không đề nghị chia thừa kế 2.325m² đất hai lúa, đất mạ của cụ X và cụ Gi mà để cho ông L và ông Đ tiếp tục sử dụng.

Trong bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị L1 trình bày:

Bố, mẹ của bà L1 là cụ X và Gi sinh được 05 người con như các đương sự khác đã trình bày. Cụ X chết năm 2015, cụ Gi chết năm 2014 không ai để lại di chúc. Khi còn sống hai cụ tạo lập được khối tài sản là mảnh đất có diện tích 680,3m² tại xóm M, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã được cấp GCNQSDĐ mang tên cụ X và cụ Gi. Tài sản trên đất có 05 gian nhà cấp 4 đã cũ, năm 2018 bão đánh sập không còn giá trị.

Ngày 24/01/2019 bà có ý kiến từ chối nhận di sản của bố mẹ để lại. Tuy nhiên trong quá trình phân chia tài sản, anh em trong gia đình đã không thống nhất thỏa thuận được với nhau nên ông L kiện chia thừa kế diện tích 680,3m² đất cho bốn người con của hai cụ. Bà L1 xin nhận kỷ phần thừa kế được chia nhưng cho ông L được hưởng và không yêu cầu ông L phải thanh toán giá trị kỷ phần mà bà được chia.

Đối với diện tích đất nông nghiệp 2.325m² Nhà nước đã giao cho cụ X và cụ Gi. Do không có nhu cầu sử dụng nên bà L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để cho ông L và ông Đ tiếp tục sử dụng.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/12/2020 và Chứng thư thẩm định giá 15/12/2020 xác định:

- Thừa đất số 177, tờ bản đồ số 6 xã Y lập năm 2010, địa chỉ: xóm M, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình có diện tích thực tế là 659m² và có giá trị là 299.204.000 đồng (285m² đất ở = 261.060.000đ; 148,8m² đất vườn = 15.624.000đ; 225,2m² đất ao = 22.520.000đ).

- Tài sản gắn liền với thừa đất: Nhà cấp 4 có giá trị 7.218.241đ; Nhà chăn nuôi có giá trị 798.699đ; Nhà bếp có giá trị 1.758.800đ; Bể nước có giá trị 1.690.719đ; Nhà vệ sinh có giá trị 183.413đ; 01 cây Cau, cao 5m có buồng giá trị 140.000đ; 01 cây Cau, cao 5m chưa có buồng giá trị 50.000đ; 01 cây Nhãn, cao 5m đường kính tán 3,5m có giá trị 410.000đ; 01 cây Mít, cao 5,5m đường kính tán 4m có giá trị 216.000đ; 01 cây Xoan, cao 6m đường kính tán 2,5m có giá trị 100.000đ; 12 cây Tre, cao 10m, đường kính tán 4m có giá trị 1.440.000đ. Tổng giá trị tài sản trên đất là 14.006.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn quyết định:

Áp dụng các điều 234, 235, 609, 610, 6M, 612, 613, 618, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 98, 166, 167 Luật đất đai; Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L về việc chia di sản thừa kế của cụ Phạm Văn X và cụ Phan Thị Gi đối với diện tích đất theo hiện trạng sử dụng là 659m² trong đó có 285m² đất ở, 148,8m² đất vườn, 225,2m² đất ao và tài sản trên đất tại thửa số 177, tờ bản đồ số 6 lập năm 2010, tại xã Y cũ nay

là xóm M, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 313.210.000 đồng.

2. Phân chia di sản thừa kế như sau:

2.1. Chia và giao cho ông Phạm Văn L được quyền sử dụng diện tích đất theo hiện trạng sử dụng là 659m², trong đó có 285m² đất ở, 148,8m² đất vườn và 225,2m² đất ao tại thửa số 177, tờ bản đồ số 6 lập năm 2010; địa chỉ thửa đất: xóm M, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; có chiều cạnh kích thước cụ thể như sau:

Phía Đ giáp với đường dong xóm (đường bê tông) chiều dài: 18,70m + 9,13m + 13,58m.

Phía Tây giáp đất hộ ông THch được ngăn cách bằng tường nhà và tường công trình phụ kéo dài hết khung thổ từ Nam đến Bắc có chiều dài 12,89m + 4,28m + 9,13m + 13,10m.

Phía Nam giáp đất hộ ông Kiểm được ngăn cách bằng bờ kè ao kéo dài hết khung thổ từ Đ đến Tây có chiều dài 17,24m.

Phía Bắc giáp với đất hộ ông Chỉ được ngăn cách từ nhà vệ sinh xuống phía Bắc 1,4m dài 15,86m.

Giá trị quyền sử dụng đất giao cho ông Phạm Văn L là 299.204.000đ (*hai trăm chín mươi chín triệu hai trăm linh bốn nghìn đồng*).

(Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

2.2. Giao cho ông Phạm Văn L được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất bao gồm: Nhà cấp 4 có giá trị 7.218.241đ; Nhà chăn nuôi có giá trị 798.699đ; Nhà bếp có giá trị 1.758.800đ; Bể nước có giá trị 1.690.719đ; Nhà vệ sinh có giá trị 183.413đ; 01 cây Cau, cao 5m có buồng giá trị 140.000đ; 01 cây Cau, cao 5m chưa có buồng giá trị 50.000đ; 01 cây Nhãn, cao 5 m đường kính tán 3,5m có giá trị 410.000đ; 01 cây Mít, cao 5,5m đường kính tán 4m có giá trị 216.000đ; 01 cây Xoan, cao 6m đường kính tán 2,5m có giá trị 100.000đ; 12 cây Tre, cao 10m đường kính tán 4m có giá trị 1.440.000đ. Giá trị tài sản trên đất là 14.005.873, làm tròn là 14.006.000đ (*mười bốn triệu không trăm linh sáu nghìn đồng*).

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giao cho ông Phạm Văn L là 299.204.000đ + 14.006.000đ = 313.210.000đ (*ba trăm mười ba triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

2.3. Ông Phạm Văn L không phải thanh toán giá trị về tài sản cho các kỷ phần của các bà Phạm Thị Th và Phạm Thị L1.

Ông Phạm Văn L phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị về tài sản kỷ phần cho ông Phạm Văn Đ là 78.302.000đ (*bảy mươi tám triệu ba trăm linh hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Phạm Văn L có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích mà mình được giao quyền sử dụng.

3. Về án phí:

Ông Phạm Văn L phải nộp M.745.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào 4.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai Th tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002455 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Sơn. Ông Phạm Văn L còn phải nộp 7.245.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Ông Phạm Văn Đ phải nộp 3.915.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo; quyền thỏa Thận, yêu cầu, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021 ông Phạm Văn Đ kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn. Lý do, không nhất trí với phần quyết định của bản án sơ thẩm đã chia di sản thừa kế của bố mẹ ông thành bốn kỷ phần gồm ông Đ, ông L, bà L1, bà Th. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần quyết định của bản án sơ thẩm, chia lại di sản thừa kế của cụ X và cụ Gi theo nội dung biên bản họp gia đình ngày 25/5/2019. Cụ thể chia cho ông L 360m² vị trí đất ao, vườn còn lại 323m² đất ở để bốn anh em sử dụng chung vào mục đích làm nhà thờ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Phạm Văn Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Th không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn.

- Ông Phạm Văn Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: ông Phạm Văn Đ đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định của pháp luật, do đó vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

Trên cơ sở lời khai, ý kiến của ông L, ông Đ, bà Th, bà L1, hồ sơ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 822742 ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Kim Sơn, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định: cụ Phạm Văn X và cụ Phan Thị Gi sinh được 05 người con là bà Th, ông Đ, ông L, bà L1, bà H. Cụ X chết năm 2015, cụ Gi chết năm 2014, không ai để lại di chúc. Tài sản của hai cụ để lại là quyền sử dụng thửa đất số 177, tờ bản đồ số 6 bản đồ địa chính xã Ylập năm 2010, diện tích ghi trong GCNQSDĐ là 680,3m² (285,0m² đất ở, 148,8m² đất trồng cây lâu năm khác, 246,5m² đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt) và tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 cùng công trình phụ, cây trồng trên đất. Ngoài ra, cụ X và cụ Gi còn để lại quyền sử dụng 2.325m² đất hai lúa và đất mạ nhưng các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất này.

Căn cứ các Điều 612, 613, 651 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 98 Luật đất đai thì thửa đất số 177, tờ bản đồ số 6 bản đồ địa chính xã Ylập năm 2010 có diện tích thực tế 659m² (285m² đất ở, 148,8m² đất vườn, 225,2m² đất ao) và các tài sản gắn liền với đất là di sản thừa kế của cụ X và cụ Gi. Do bà H không có chồng, con và chết trước cụ X, cụ Gi nên người thừa kế theo pháp luật Thộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ chỉ còn ông Đ, ông L, bà Th, bà L1.

Sau khi hai cụ chết, anh em ông L đã họp phân chia di sản là quyền sử dụng đất, được thể hiện bằng Biên bản họp gia đình ngày 25/5/2019. Nội dung biên bản thể hiện ông L, ông Đ, bà Th, bà L1 đã thỏa Thận chia cho ông L được quyền sử dụng 360m² đất, diện tích đất còn lại 323m² là tài sản chung của 04 anh chị em. Ông Đ là anh cả có trách nhiệm đứng ra làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy thửa đất số 177, tờ bản đồ số 6 bản đồ địa chính xã Ylập năm 2010 có ba loại đất gồm đất ở, đất trồng cây lâu năm khác và đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt; vị trí các loại đất đã được định vị trong các thể hệ bản đồ của xã Y và trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Biên bản họp gia đình không thể hiện diện tích đất chia cho ông L là loại đất gì, ở vị trí nào, kích thước các chiều cạnh là bao nhiêu. Sau đó các đương sự không thống nhất được với nhau về vị trí và loại đất được chia của mỗi bên nên cơ quan có thẩm quyền không có căn cứ để cấp GCNQSDĐ, dẫn đến sự thỏa Thận của các bên không thể thực hiện được trên thực tế.

Do thỏa Thận không thể thực hiện được, ông L, bà Th, bà L1 đã thay đổi quan điểm và ông L đã yêu cầu chia thừa kế di sản của bố mẹ theo pháp luật. Tại thời điểm ông L khởi kiện, di sản là quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền với đất của cụ X, cụ Gi chưa được đăng ký biến động đất đai, chưa làm thủ tục chuyển quyền cho người khác nên những tài sản này vẫn là di sản của hai

cụ. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản của cụ X và cụ Gi thành bốn kỷ phần; ông L, ông Đ, bà Th, bà L1 mỗi người được hưởng một kỷ phần là có căn cứ, đúng pháp luật và không xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Đ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn Đ; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DSST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn.

[3] Về án phí: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DSST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí: ông Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2018/0002630 ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Sơn; ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/10/2021).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện Kim Sơn;
- CCTHADS huyện Kim Sơn;
- Phòng KTNV-THA;
- L hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tử Lượng

